TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2023/HS-ST
Ngày: 09/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Đào Quang Tuấn
2. Bà Quách Thị Tình

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2023/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Giới tính: Nam ; Tên gọi khác: Thế Chính. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1993 - tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: khu phố A, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12 ; Họ và tên bố: Nguyễn Văn C – đã chết; Họ và tên mẹ: Lê Thị Q - Sinh năm: 1966; Vợ: Bùi Thị N; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019 ; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án. Ngày 18/02/2021, bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 06 tháng 05 ngày tù về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong toàn bộ bản án nhưng chưa được xóa án tích ; Nhân thân: Ngày 08/6/2012, bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích; Ngày 11/3/2015, bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 18 tháng tù giam, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến ngày 28/6/2022 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn A** ; Giới tính: Nam ; Tên gọi khác: Ngọc A1; Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1996 - tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: khu phố A, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: khu phố E T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên bố:

Nguyễn Văn C – đã chết; Họ và tên mẹ: Lê Thị Q - Sinh năm 1966; Vợ: Trần Thị Thanh H; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/03/2022 đến ngày 28/6/2022 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Văn H1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không ; Sinh ngày 03 tháng 5 năm 1996 - tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Lê Văn N1 – Sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Lê Thị L - Sinh năm 1957; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2022 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Bùi Duy T1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 27 tháng 8 năm 1996 - tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Bùi Văn U – Sinh năm: 1973; Họ và tên mẹ: Bùi Thị Q1 – Sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án. Ngày 15/10/2019, bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 27 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong toàn bộ bản án nhưng chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T; Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Đình T2**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Thế lùn; Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1991 - tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ : Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Đình L1 – Đã chết; Họ và tên mẹ: Quách Thị C1 – Sinh năm: 1950; Vợ: đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân, ngày 21/5/2019 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 11 tháng 06 ngày tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2022 đến ngày 16/02/2022, sau đó bị tạm giam từ ngày 16/02/2022 đến ngày 06/7/2022; Sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Quách Công B**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994 - tại T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Quách Công T3 – Sinh năm : 1965; Họ và tên mẹ: Lê Thị H2 – Sinh năm: 1963; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/02/2022 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993*;* Địa chỉ: Khu A, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

** Người làm chứng:*

- Chị Trần Thị Thanh H; Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Khu phố E T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Chị Vũ Thị N2; Sinh ngày: 20/03/2007; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của chị Vũ Thị N2: Bà Nguyễn Thị S; Địa chỉ:Khu phố P, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Bùi Văn Q2; Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Chị Lưu Ngọc Á; Sinh ngày: 23/05/2006; Địa chỉ: Khu phố E T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của chị Lưu Ngọc Á: Bà Lê Thị H3; Địa chỉ: Khu phố E T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T (thường gọi là Thế C2) sinh năm 1993 và Nguyễn Văn A (thường gọi là Ngọc A1) sinh năm 1996 cùng trú tại thị trấn K, huyện T và có quan hệ anh em ruột với nhau. Tối ngày 06/02/2022, Nguyễn Văn T và một số người khác cùng ăn cơm, uống rượu tại nhà Nguyễn Văn A. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô chở Lê Văn H1, sinh năm 1997, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T đi trên tuyến Quốc lộ D dọc theo thị trấn K. Khi đi đến khu vực phía trước cửa hàng F, thuộc địa phận khu B, thị trấn K, cả hai gặp Quách Công Bình sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã T, huyện T đang điều khiển xe mô tô đi phía trước, chở Hoàng Minh T4 sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã T, huyện T ngồi phía sau. Cho rằng B điều khiển xe tạt đầu xe của mình, nên giữa Nguyễn Văn T và Quách Công B phát sinh mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, thách thức lẫn nhau. Khi T và B đang cãi nhau thì Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô chở theo Bùi Duy T1 và một nam thanh niên (chưa xác định được danh tính) ngồi phía sau đi đến, nhìn thấy nên dừng lại. Lúc này, T dùng tay tát một cái vào vùng mặt của B, B dùng chân đạp một cái trúng vào người T, thì T cùng với Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Bùi Duy T1 và nam thanh niên chưa xác định danh tính cùng lao vào, dùng tay, chân đấm đá liên tiếp vào người của B. Khoảng mấy phút sau thì những người này không đánh Quách Công B nữa nhưng vẫn tiếp tục chửi bới, thách thức nhau. Lúc này, Quách Công B gọi điện thoại cho Nguyễn Đình T2 (thường gọi là T2 lùn), sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã T, huyện T, kể lại việc mình bị đánh và nhờ Nguyễn Đình T2 đến đưa mình về. Lúc này Nguyễn Đình T2 đang ở tại quán ăn đêm của mình tại khu A T, thị trấn K, khi nghe B nói như vậy thì T2 lấy một con dao dạng dao bài, thường dùng ở quán, có chiều dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen có kích thước 28cm x 07 cm, cán dao bằng gỗ được bọc kim loại màu trắng cất giấu vào bên trong áo đang mặc rồi nói với Đỗ Minh T5, sinh năm 1993 trú tại khu F, thị trấn

K: "đi đây với anh một tí" và nhờ T5 chở mình đến gặp B. Khi đến nơi thấy B đang cãi nhau với nhóm của Nguyễn Văn T, thì Nguyễn Đình T2 cũng tham gia tranh cãi và chửi nhau với nhóm của Nguyễn Văn T. Khi đang chửi nhau, Nguyễn Đình T2 bất ngờ lấy dao cất giấu sẵn từ trước trong người ra và dùng dao này chém một nhát trúng vào vùng đầu của Nguyễn Văn T, sau đó cầm dao bỏ chạy vào ngõ gần đó rồi chạy về nhà trọ của mình ở khu A T, thị trấn K. Nguyễn Văn T bị thương ở vùng đầu, sau đó được Nguyễn Văn A và một số người khác đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện T.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Nguyễn Văn T ngày 07/02/2022 tại Bệnh viện đa khoa huyện T xác định: Vùng thái dương đỉnh trái có 01 vết thương kích thước 12 x 02cm, bờ mép sắc gọn, sâu sát xương, chảy máu.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ban hành các Quyết định số 19, 20/QĐ-CSĐT, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh T giám định mức độ tỷ lệ tổn hại % sức khỏe do thương tích cũng như loại hung khí, cơ chế hình thành những thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn T. Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 93, 94/2022/TTPY ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn Thế là 02% (hai phần trăm), vết thương gây ra bởi tác động của ngoại lực, được tạo nên bởi vật có cạnh sắc. Ngày 07/3/2022, Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các đối tượng đã gây thương tích cho mình.

Nguyễn Văn T điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa huyện T từ ngày 06/02/2022 đến ngày 14/02/2022 thì xuất viện. Ngày 10/8/2022, Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Nguyễn Đình T2 bồi thường tổng số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trong đó các khoản có hóa đơn, chứng từ hợp lệ là 2.885.768 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng), Nguyễn Đình T2 chưa bồi thường cho Nguyễn Văn T khoản tiền nào. Đối với Quách Công B, xét thấy thương tích nhẹ, không ảnh hưởng đến sức khỏe nên đã từ chối giám định thương tích và có đơn đề nghị không yêu cầu xử lý đối với các đối tượng đã đánh mình nên không xem xét, xử lý.

Quá trình điều tra xác định, các đối tượng tập trung đông người, có hành vi chửi bới, đuổi đánh nhau gây thương tích trên tuyến Quốc lộ D, thuộc địa phận khu phố B, thị trấn K gây cản trở việc tham gia giao thông bình thường của các phương tiện trên đường, ảnh hưởng đến sinh hoạt, hoạt động bình thường của các hộ dân xung quanh, cũng như gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Sau khi xảy ra sự việc, đại diện các hộ dân, chính quyền địa phương đã có báo cáo thể hiện sự việc đánh nhau gây thương tích nêu trên đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Quá trình điều tra, Bùi Duy T1 không thừa nhận đi cùng với Nguyễn Văn A đến nơi xảy ra sự việc, cùng tham gia với các đối tượng khác đánh nhau với Quách Công B và khai báo tối ngày 06/02/2022, T1 đến nhà Nguyễn Văn A để uống rượu, sau đó ngồi uống nước đến khi vụ việc trên kết thúc, Nguyễn Văn A đi về nhà gặp và nói cho T1 biết việc Nguyễn Văn T bị chém gây thương tích. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai những người làm chứng gồm Vũ Thị N2, Lưu Ngọc Á, Bùi Văn Q2 xác định, tại thời điểm xảy ra vụ việc, tại nhà ở của Nguyễn Văn A khi đó chỉ có Q2, N2, Á, vợ của Nguyễn Văn A là Trần Thị Thanh H và sau đó có thêm em trai của Q2 là Bùi Văn L2. Lời khai của Lê Văn H1, Nguyễn Văn T khẳng định một trong hai nam thanh niên đi cùng Nguyễn Văn A là Bùi Duy T1, sau đó cùng tham gia đánh nhau với Quách Công B là Bùi Duy T1. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Lê Văn H1 và Nguyễn Văn T nhận dạng, cả H1 và T đều xác nhận là Bùi Duy T1. Nguyễn Văn A khai báo sau khi sự việc đánh nhau xảy ra, Anh đã cùng với một số người khác đưa Nguyễn Văn T đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T, sau đó đến Công an huyện T báo cáo sự việc rồi tiếp tục quay lại bệnh viện chăm sóc Nguyễn Văn T, việc T1 khai báo Anh quay về nhà, gặp và nói chuyện với T1 là không đúng.

Đối với nam thanh niên còn lại chưa rõ danh tính cùng đi với Nguyễn Văn A mà Nguyễn Văn T và Lê Văn H1 khai báo tên H1, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập làm việc đối với Bùi Văn H4, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, huyện T nhưng Bùi Văn H4 hiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm người đối với Bùi Văn H4 nhưng chưa có kết quả nên đã tách hồ sơ tiếp tục truy tìm, đấu tranh làm rõ hành vi của Bùi Văn H4 và xử lý sau.

Đối với lời khai của Nguyễn Đình T2 về việc sau khi chém Nguyễn Văn T, đã bị Bùi Văn D, sinh năm 1990 ở thôn T, xã T, huyện T và một số đối tượng khác cầm theo hung khí đuổi theo T, sau đó đến quán ăn đêm của T tại khu A T, thị trấn K dùng gạch, đá ném, dùng kiếm chém làm hư hỏng một số tài sản, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, kết quả xác định nội dung khai báo này của Nguyễn Đình Thế l không có cơ sở nên không xem xét xử lý.

Đối với việc Đỗ Minh T5 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đình T2 đến nơi xảy ra vụ việc, khi đi T5 chỉ biết T2 nhờ chở đi có việc chứ không biết việc T2 mang theo hung khí giấu trong người sau đó chém Nguyễn Văn T, khi các đối tượng đánh nhau bản thân T5 không tham gia mà còn can ngăn các đối tượng nên hành vi của T5 không đồng phạm với Nguyễn Đình T2. Quá trình điều tra cũng xác định trước khi Nguyễn Đình T2 đến và tham gia đánh nhau, B gọi điện thoại và nhờ Nguyễn Đình T2 đến đón mình về, không nói và không biết việc T2 mang hung khí đến và tham gia đánh nhau nên hành vi của Quách Công B cũng không đồng phạm với Nguyễn Đình T2.

Xác minh điều kiện kinh tế, thu nhập tại nơi cư trú của các bị can Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Bùi Duy T1, Nguyễn Đình T2, Quách Công B xác định, các bị can đều không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Bị can Nguyễn

Văn A có tài sản chung với vợ là ngôi nhà 02 tầng đã cũ có tổng diện tích 180 $m^{2,}$ được xây dựng trên thửa đất có diện tích 165 m^2, ngoài ra không có tài sản chung, tài sản riêng nào khác, bản thân Nguyễn Văn A cũng không có công việc, thu nhập ổn định.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 con dao dạng dao bài dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28cm, cán dao bằng gỗ được bọc kim loại màu trắng ở hai đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 07cm mà Nguyễn Đình T2 đã sử dụng để chém gây thương tích cho Nguyễn Văn T. Vật chứng này đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSTT, ngày 14/07/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Bùi Duy T1, Quách Công B về tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Truy tố Nguyễn Đình T2 về tội Cố ý gây thương tích và tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T rút yêu cầu khởi tố, xét xử với bị cáo Nguyễn Đình T2 về tội Cố ý gây thương tích.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Bùi Duy T1, Quách Công B về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đình T2 được Nguyễn Văn T có đơn đề nghị rút yêu cầu truy tố, xét xử Nguyễn Đình T2 về tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 1 Điều 134 BLHS nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 155, Điều 282 BLTTHS để đình chỉ tội "Cố ý gây thương tích" đối với Nguyễn Đình T2. Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Đình T2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T2 xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Bùi Duy T1 để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Lê Văn H1 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho bị cáo H1) xử phạt mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Quách Công B xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập của bị cáo xác định hiện tại bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập và tài sản nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao dạng dao bài dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28cm, cán dao bằng gỗ được bọc kim loại màu trắng ở hai đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 07cm mà Nguyễn Đình T2 đã sử dụng để chém gây thương tích cho Nguyễn Văn T.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Quách Công B, Nguyễn Đình T2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Đối với bị cáo Bùi Duy T1 không thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không nhận mình có mặt tại địa điểm gây rối trật tự công cộng, không tham gia đánh bị cáo Quách Công B, thời điểm các bị cáo đánh bị cáo B thì bị cáo không ngồi cùng xe với bị cáo A và không tham gia đánh bị cáo B, bị cáo ở nhà bị cáo Anh trong suốt quá trình diễn ra sự việc. Bị cáo khẳng định bị cáo có uống rượu tại nhà bị cáo A và ở nhà Anh đến khi Anh về thông báo là T2 bị đánh thì bị cáo đi lên bệnh viện với T2. Bị cáo bảo lưu lời khai của mình tại cơ quan điều tra đề nghị HĐXX xem xét lời khai của các bị cáo khác và lời khai của người làm chứng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lê Văn H1 thống nhất lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản nhận dạng đối với Bùi Duy T1, khẳng định bị cáo T1 đi cùng xe với Nguyễn Văn A, khi xô sát thì bị cáo T1 cùng với A và người ngồi cùng xe với Anh đều lao vào đấm đá đối với Quách Công B.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Nguyễn Đình T2, Quách Công B thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo sửa chữa sai lầm. Đối với bị cáo Bùi Duy T1 đề nghị HĐXX xem xét lời khai của các bị cáo và lời khai của các nhân chứng, bị cáo bảo lưu lời khai của mình tại cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Nguyễn Đình T2, Quách Công B thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chứng minh: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 06/02/2022, tại khu vực phía trước cửa hàng F, thuộc địa phận khu B, thị trấn K các bị cáo đã dùng lời nói và hành động đánh nhau gây mất trật tự an ninh trên khu vực, trong đó nhóm có bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1 và Nguyễn Văn A đánh nhau với Quách Công B, sau đó B gọi điện cho Nguyễn Đình T2 đến đón nhưng Nguyễn Đình T2 mang theo dao và dùng dao gây thương tích cho Nguyễn Văn T với tổn thương 2% sức khỏe. Trong nhóm cùng thời điểm đi cùng với Nguyễn Văn A còn có Bùi Duy T1 tham gia đánh Quách Công B nhưng T1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai của cáo bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, biên bản nhận dạng và lời khai của những người làm chứng thời điểm ban đầu xảy ra vụ việc, nhân chứng và các bị cáo khác khai T1 đi cùng xe với Nguyễn Văn A và có tham gia đánh Quách Công B, lời khai của T1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không đi cùng với Nguyễn Văn A mà sau khi uống rượu ở nhà A, T1 ở lại tại nhà Anh đến khi Anh về thông báo là T bị đánh thì T1 mới đi ra bệnh viện C3 cấp cứu. Nhưng lời khai của các bị cáo khác và của rất nhiều nhân chứng thể hiện sau khi uống rượu ở nhà Anh thì T1 không có mặt ở nhà A. Lời khai của các bị cáo, biên bản nhận dạng và tại phiên tòa đều khẳng định bị cáo Bùi Duy T1 đi cùng xe với Nguyễn Văn A và có tham gia đánh B, gây rối trật tự công cộng. Từ những phân tích và đánh giá toàn diện chứng cứ lời khai trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Bùi Duy T1, Quách Công B phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 318 BLHS; Bị cáo Nguyễn Đình T2 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với hành vi gây thương tích của Nguyễn Đình T2 cho Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T có đơn rút yêu cầu khởi tố, xét xử đối với Nguyễn Đình T2. Việc rút đơn của Nguyễn Văn Thế l1 hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên HĐXX đã nghị án căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 282 BLTTHS đình

chỉ vụ án về hành vi gây thương tích của Nguyễn Đình T2 trong cùng bản án là phù hợp.

[3]. Xét tính chất, vai trò và trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án hình sự gây rối trật tự công cộng có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân trên địa bản. Trong đó bị cáo Quách Công B sau khi bị đánh đã gọi Nguyễn Đình T2 đến để đón về, B không biết T2 mang theo dao và Nguyễn Đình T2 dùng dao gây thương tích cho Nguyễn Văn T nên B và Thế chịu trách nhiệm độc lập đối với các bị cáo khác, đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Bùi Duy T1 cùng tham gia gây mật trật tự công cộng có vai trò ngang nhau, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Duy T1 là người có một tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác có cùng vai trò. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Quách Công B, Nguyễn Đình T2 phạm tội không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Duy T1 có 01 (một) tình tiết tăng nặng là tái phạm. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Quách Công B, Nguyễn Đình T2 có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo A, H1, B còn được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Đình T2 có hai tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội ra đầu thú và gia đình là người có công theo khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình bị cáo là người có công theo khoản 2 Điều 51 BLHS các tình tiết này cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Đối với bị cáo B, bị cáo A, bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa lần nào bị kết án, có lý lịch rõ ràng vì vậy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đình T2, Bùi Duy T1, Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, đối với bị cáo T1 và Nguyễn Văn T lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo thành công dân có ích.

[5]. Đối với nam thanh niên còn lại chưa rõ danh tính cùng đi với Nguyễn Văn A mà Nguyễn Văn T và Lê Văn H1 khai báo tên H1, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập làm việc đối với Bùi Văn H4, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, huyện T nhưng Bùi Văn H4 hiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã ra quyết

định truy tìm người đối với Bùi Văn H4 nhưng chưa có kết quả nên đã tách hồ sơ tiếp tục truy tìm, đấu tranh làm rõ hành vi của Bùi Văn H4 và xử lý sau là phù hợp.

[6]. Đối với việc Đỗ Minh T5 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đình T2 đến nơi xảy ra vụ việc, khi đi T5 chỉ biết T2 nhờ chở đi có việc chứ không biết việc T2 mang theo hung khí giấu trong người sau đó chém Nguyễn Văn T, khi các đối tượng đánh nhau bản thân T5 không tham gia mà còn can ngăn các đối tượng nên hành vi của T5 không đồng phạm với Nguyễn Đình T2. Quá trình điều tra cũng xác định trước khi Nguyễn Đình T2 đến và tham gia đánh nhau, B gọi điện thoại và nhờ Nguyễn Đình T2 đến đón mình về, không nói và không biết việc T2 mang hung khí đến và tham gia đánh nhau nên hành vi của Quách Công B cũng không đồng phạm với Nguyễn Đình T2.

[7]. Kết quả điều tra, xác minh các bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập không cao không ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: 01 con dao dạng dao bài dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28cm, cán dao bằng gỗ được bọc kim loại màu trắng ở hai đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 07cm mà Nguyễn Đình T2 đã sử dụng để chém gây thương tích cho Nguyễn Văn Thế l1 vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 155; Điều 282; Điều 254; Điều 259; Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đình chỉ vụ án đối với hành vi "Cố ý gây thương tích" mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình T2 theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Quách Công B, Nguyễn Đình T2, Bùi Duy T1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T2.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T2 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2022 đến ngày 06/07/2022 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Duy T1 và Nguyễn Văn T. Áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy T1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2022.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 31/03/2022 đến ngày 28/06/2022 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Lê Văn H1. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H1.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho UBND thị trấn K, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Văn H1 cho UBND xã T, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Quách Công B.

Xử phạt: Bị cáo Quách Công B 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Quách Công B cho UBND xã T, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dạng dao bài dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28cm, cán dao bằng gỗ được bọc kim loại màu trắng ở hai đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 07cm mà Nguyễn Đình T2 đã sử dụng để chém gây thương tích cho Nguyễn Văn T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Lê Văn H1, Quách Công B, Bùi Duy T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Hải